

Bản án số: **59/2022/HNGĐ-ST**
Ngày 22 tháng 8 năm 2022
V/v Tranh chấp hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa Phiên tòa: Bà Lê Thị Thu Huyền;

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Bùi Thị Hảo;

Ông Nguyễn Xuân Đào.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Vân - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Phú Thọ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Thanh Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 8 năm 2022 tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Phú Thọ tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 43/2022/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 4 năm 2022 về việc “Tranh chấp hôn nhân và gia đình”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 59/2022/QĐST-HNGĐ ngày 25 tháng 7 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 387/2022/QĐ-HPT ngày 08/8/2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Quách Thị P, sinh năm 1965; ĐKKHKT: Khu 4, xã H, thị xã P, tỉnh Phú Thọ

Bị đơn: Ông Trần Văn L, sinh năm 1965; ĐKKHKT: Khu 4, xã H, thị xã P tỉnh Phú Thọ. Hiện ông L đang ở nước ngoài

(Bà P có đơn xin xét xử vắng mặt; ông L vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng nguyên đơn bà Quách Thị P trình bày: Bà và ông Trần Văn L đăng ký kết hôn ngày 17/12/1988 tại UBND xã H, thị xã P tỉnh Vĩnh Phú (Nay là tỉnh Phú Thọ). Trước khi kết hôn hai bên được tự do tìm hiểu, đăng ký kết hôn tự nguyện, không bị ai ép buộc. Sau khi kết hôn vợ chồng về sống tại khu tập thể liên đoàn địa chất T (Khu 4, xã H, thị xã P). Quá trình chung sống vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống. Năm 2001 ông L đi Ukraine và hiện nay chưa quay trở lại Việt Nam, vợ chồng ly thân từ thời gian đó đến nay. Kể từ khi ông L đi Ukraine vợ chồng không có sự quan tâm, thương yêu, chăm sóc lẫn nhau. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên Bà P đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ giải quyết cho bà được ly hôn với ông Trần Văn L.

Về con chung: Bà Quách Thị P xác định vợ chồng có 02 con chung là Trần Thị Hải Y, sinh ngày 02/4/1989 và Trần Việt T, sinh ngày 07/4/1998. Hiện nay hai con chung đã trưởng thành, xây dựng gia đình nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, công nợ, công sức đóng góp: Bà P xác định vợ chồng không có nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về án phí ly hôn: Bà Quách Thị P tự nguyện chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm.

Bà P yêu cầu Tòa án không tiến hành hòa giải, đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt.

Bà P trình bày hiện nay bà không biết địa chỉ của ông L ở Ukraine nên bà không thể cung cấp địa chỉ của ông L cho Tòa án được. Bà P đề nghị Tòa án xác minh địa chỉ của ông L ở Ukraine thông qua con gái của ông L và bà là chị Trần Thị Hải Y, sinh năm 1989; địa chỉ: Số 124, ngõ 25 Vũ Ngọc P, phường L, quận Đ, thành phố Hà Nội. Người thân ông Trần Văn L là chị Trần Thị Hải Y cung cấp thông tin có liên lạc với ông L nhưng không biết địa chỉ của ông L ở chỗ nào Ukraine, thời gian vừa qua khi xảy ra chiến sự nên ông L đã di cư sang Đức nhưng ông L cũng không cho chị biết địa chỉ cụ thể. Do vậy, Tòa án không thể thực hiện ủy thác tư pháp cho ông L theo quy định.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Việc chấp hành pháp luật tố tụng, trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Thư ký đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Quách Thị P. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho bà Quách Thị P ly hôn ông Trần Văn L.

Về án phí: Bà Quách Thị P phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Bà Quách Thị P khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ giải quyết cho bà được ly hôn ông Trần Văn L là quan hệ “Tranh chấp hôn nhân và gia đình” theo khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Trong đơn xin ly hôn, Bà P trình bày hiện ông L đang sống và làm việc tại Ukraine. Tại văn bản số 9951/QLXNC-P5 ngày 13/5/2022 của Cục quản lý xuất nhập cảnh - Bộ Công an xác nhận: “Trần Văn L, sinh ngày 21/10/1965, đã xuất nhập cảnh 07 lần, xuất cảnh gần nhất ngày 01/4/2015, hiện chưa có thông tin nhập cảnh về nước”. Căn cứ khoản 3 Điều 35, Điều 37 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ thụ lý và giải quyết, xét xử vụ án là đúng thẩm quyền. Bà Quách Thị P vắng mặt tại phiên tòa và có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

Bà P đề nghị xin ly hôn với ông L và chỉ cung cấp được địa chỉ nơi cư trú cuối cùng ở Việt Nam của ông L là ở khu 4, xã H, thị xã P tỉnh Phú Thọ mà không cung cấp được địa chỉ ông L ở nước ngoài, Tòa án đã thông qua thân nhân của bị đơn là chị Trần Thị Hải Y (Là con gái đẻ của ông L và bà P) thấy giữa ông L và chị

Y vẫn liên lạc với nhau nhưng chị Y không cung cấp được địa chỉ, tin tức ông L nên cần xác định đây là trường hợp bị đơn cố tình dấu địa chỉ. Tòa án đã yêu cầu đến lần thứ hai nhưng chị Y cũng không cung cấp được địa chỉ ông L nên Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung. Do vậy, Tòa án căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt ông L.

[2]. Về nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Theo đơn khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, bà Quách Thị P và ông Trần Văn L kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật, đăng ký kết hôn tại UBND xã H, thị xã P tỉnh Vĩnh Phú (Nay là tỉnh Phú Thọ) vào ngày 17/12/1988. Đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp và được pháp luật công nhận. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, vợ chồng sống xa nhau thời gian dài nên tình cảm lạnh nhạt, không có sự quan tâm, chăm sóc, thương yêu nhau. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà Quách Thị P đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Trần Văn L.

Ông Trần Văn L hiện đang ở nước ngoài, bà Quách Thị P chỉ cung cấp được địa chỉ nơi cư trú cuối cùng của ông L ở Việt Nam, không cung cấp được địa chỉ của ông L ở nước ngoài cho Tòa án. Theo yêu cầu của bà Quách Thị P, Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ đã xác minh địa chỉ của ông L ở nước ngoài thông qua con gái đẻ của ông L và Bà P là chị Trần Thị Hải Y, sinh năm 1989; địa chỉ: Số 124, ngõ 25 Vũ Ngọc P, phường L, quận Đ, thành phố Hà Nội. Chị Y xác nhận hiện nay chị và bố chị là ông L thường xuyên liên lạc với nhau qua mạng xã hội Facebook, điện thoại. Trước đây bố chị sinh sống tại Ukraine nhưng do bên đó đang xảy ra chiến sự nên hiện giờ bố chị đã sang Đức nhưng bố chị không cho chị biết địa chỉ cụ thể. Do vậy, chị không cung cấp được địa chỉ cụ thể của bố chị cho Tòa án. Trước đây bố chị ở Ucraina chị cũng không biết được địa chỉ cụ thể do bố chị không nói cho chị biết. Điều đó thể hiện ông L không thông báo địa chỉ, cố tình giấu địa chỉ nơi mình hiện đang cư trú.

Căn cứ Công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn về việc giải quyết vụ án ly hôn có bị đơn là người Việt Nam ở nước ngoài nhưng không rõ địa chỉ, xác định đây là trường hợp bị đơn cố tình dấu địa chỉ, Tòa án giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

Mặc dù ông L không có bản tự khai tại Tòa án nhưng Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng liên quan đến việc giải quyết vụ án cho con gái của ông L và Bà P là chị Trần Thị Hải Y, tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng cho ông L. Chị Y đã nhận các văn bản tố tụng của Tòa án và cam kết sẽ thông báo cho ông L nhưng ông L không có quan điểm cụ thể gì về việc giải quyết ly hôn với bà P. Chị Y trình bày ông L không cung cấp cho chị biết địa chỉ cụ thể ở nước ngoài. Điều đó thể hiện ông L không có thiện chí để hòa giải, hàn gắn tình cảm với bà P. Qua xác minh tại chính quyền địa phương về quan hệ hôn nhân, tình trạng hôn nhân giữa bà Quách Thị P và ông Trần Văn L ngày 08/7/2022 thể hiện: Bà P và ông L có đăng ký kết hôn vào ngày 17/12/1988 tại UBND xã H, thị xã P. Kể từ khi đăng ký kết hôn ông bà về chung sống với nhau tại khu 4, xã H, thị xã P. Từ sau năm 2011 đến nay ông L không chung sống cùng Bà P ở địa chỉ trên.

Hội đồng xét xử xét thấy Bà P và ông L đã không chung sống cùng nhau, vợ chồng sống xa nhau thời gian dài, không có sự quan tâm chia sẻ trong cuộc sống

gia đình nên phát sinh nhiều mâu thuẫn. Xét thấy mục đích hôn nhân không đạt được, nên việc bà Quách Thị P đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Trần Văn L là có căn cứ, phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Do vậy đề nghị xin ly hôn của bà Quách Thị P được chấp nhận.

Về con chung: Bà P và ông L có 02 con chung là Trần Thị Hải Y, sinh ngày 02/4/1989 và Trần Việt T, sinh ngày 07/4/1998. Chị Y và anh T đã trưởng thành, xây dựng gia đình nên Bà P không đề nghị Tòa án giải quyết. Vì vậy không xem xét giải quyết trong vụ án này.

Về tài sản chung, công nợ và công sức đóng góp: Bà Quách Thị P xác định không có và không đề nghị giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí ly hôn sơ thẩm: Bà Quách Thị P phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[4]. Quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ và phù hợp được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 123 và Điều 127 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, Điều 37, khoản 4 Điều 147, Điều 179, Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH, quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Quách Thị P.

1. *Về quan hệ hôn nhân:* Cho bà Quách Thị P được ly hôn với ông Trần Văn L.

2. *Về con chung:* Bà P và ông L có 02 con chung là Trần Thị Hải Y, sinh ngày 02/4/1989 và Trần Việt T, sinh ngày 07/4/1998. Do chị Y và anh T đã trưởng thành, xây dựng gia đình, Bà P không đề nghị Tòa án giải quyết nên Tòa án không đặt ra giải quyết.

3. *Về tài sản chung, công nợ, công sức đóng góp:* Bà Quách Thị P xác định không có và không đề nghị giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. *Về án phí ly hôn sơ thẩm:* Bà Quách Thị P phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm. Xác nhận bà Quách Thị P đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2020/0000184 ngày 25/4/2022 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Phú Thọ.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt tại Việt Nam có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ khi nhận được Bản án để đề nghị Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm. Đương sự cư

trú ở nước ngoài có quyền kháng cáo trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày Bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày Bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Phú Thọ;
- Cục THADS tỉnh Phú Thọ;
- UBND xã H – thị xã P;
- Các đương sự;
- Lưu: HS - AV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Lê Thị Thu Huyền